

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐỒNG NAI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:67/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 11 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 22
Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 22

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về hướng dẫn hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND;

Trên cơ sở xem xét kết quả chất vấn và trả lời chất vấn bằng văn bản tại Kỳ họp thứ 22 Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh ghi nhận những nội dung chất vấn và trả lời chất vấn đã tập trung vào những vấn đề quan trọng được cử tri và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh quan tâm. Các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đặt câu hỏi chất vấn rõ cả về nội dung và đối tượng chất vấn. Giám đốc các sở, ngành đã trả lời cơ bản, đúng trọng tâm, rõ nguyên nhân những vấn đề còn hạn chế, bất cập, đưa ra giải pháp, cam kết, thời gian khắc phục trong thời gian tới.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với các giải pháp, cam kết của các sở, ngành đã trả lời đối với các nội dung đại biểu chất vấn tại kỳ họp. Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo các sở, ngành, địa phương tập trung chỉ đạo, thực hiện những cam kết, các giải pháp đồng bộ để khắc phục những tồn tại, hạn chế, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực được chất vấn tại kỳ họp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp thường lệ tiếp theo, cụ thể như sau:

1. Về phát triển nhà ở xã hội

1.1. Đánh giá

1.1.1. Thực trạng

Theo báo cáo của Sở Xây dựng, căn cứ Nghị quyết 07/NQ-TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nhà ở công nhân, nhà ở xã hội giai đoạn 2021-2025 và Nghị quyết số 49/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, mục tiêu giai đoạn 2021-2025 xây dựng 10.000 căn nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh. Kết quả đến nay: Hoàn thành đưa vào sử dụng 1.660 căn; đang xây dựng 1.098 căn (1.000 căn tại phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa khởi công năm 2024 và năm 2025 tiếp tục xây dựng; 98 căn tại thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom khởi công tháng 12/2023 và hoàn thành trong năm 2025).

Để đạt mục tiêu Nghị quyết của Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh, từ nay đến năm 2025 sẽ phải khởi công, xây dựng thêm ít nhất 7.242 căn. Như vậy, kết quả về xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh đạt được vẫn còn hạn chế, tiến độ chưa đạt mục tiêu giai đoạn 2021-2025.

1.1.2. Nguyên nhân

- Công tác lập hồ sơ chủ trương đầu tư của một số địa phương chưa đạt theo mục tiêu¹; công tác lựa chọn nhà đầu tư chậm, có 09 dự án đã được duyệt chủ trương đầu tư nhưng đến nay mới có 02 dự án lựa chọn được chủ đầu tư²; nhiều chủ đầu tư ưu tiên đầu tư nhà ở thương mại, chậm đầu tư hạ tầng kỹ thuật quỹ đất 20% để đầu tư nhà ở xã hội hoặc bàn giao cho nhà nước, đảm bảo việc đầu tư nhà ở thương mại song song với nhà ở xã hội³.

- Thủ tục lựa chọn nhà đầu tư mất nhiều thời gian, chưa có quy trình rút gọn hoặc chỉ định nhà đầu tư dự án nhà ở xã hội. Mặt khác, sự thay đổi quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục đấu thầu cũng làm chậm tiến độ lựa chọn chủ đầu tư⁴; chính sách nhà ở xã hội thay đổi qua nhiều thời kỳ (chính sách 20% sàn hoặc đất kinh doanh thương mại dịch vụ, tiêu chuẩn thiết kế nhà xã hội) làm cho địa phương lúng túng trong việc áp dụng hoặc phải điều chỉnh, làm chậm tiến độ lập, phê duyệt hồ sơ chủ trương đầu tư.

¹ Đến nay có 07 địa phương đã trình hồ sơ chủ trương đầu tư trong đó có 03 địa phương có hồ sơ chủ trương đầu tư được duyệt, gồm thành phố Biên Hòa, Nhơn Trạch, Trảng Bom; 04 địa phương đã trình nhưng chưa được duyệt, gồm Thống Nhất, Long Thành, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc. Còn 04 địa phương chưa trình hồ sơ chủ trương đầu tư, gồm Tân Phú, Định Quán, Cẩm Mỹ, thành phố Long Khánh.

² Đối với 02 dự án (tại phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa 1,41 ha và xã Phước An, huyện Nhơn Trạch 5,61 ha) đã lựa chọn chủ đầu tư thì thời gian từ khi có chủ trương đầu tư đến khi hoàn thành lựa chọn chủ đầu tư tương ứng là 17 tháng và 08 tháng.

³ Văn bản số 2856/TB-UBND ngày 15/3/2019 của UBND tỉnh, trong đó giao Sở Kế hoạch và Đầu tư khi tham mưu UBND tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư các dự án cần quy định cụ thể tiến độ đầu tư hạ tầng kỹ thuật quỹ đất 20% để đầu tư nhà ở xã hội hoặc bàn giao cho nhà nước, đảm bảo việc đầu tư nhà ở thương mại song song với nhà ở xã hội.

⁴ Có hai dự án đã phê duyệt hồ sơ yêu cầu năng lực kinh nghiệm nhưng phải hủy làm lại hồ sơ do có quy định mới về mẫu hồ sơ mời quan tâm tại Thông tư 03/2024/TT-BKHĐT ngày 06/3/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về quy định mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (dự án 1,64 hạ tại phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, dự án 2,1 ha tại xã Phước An, Nhơn Trạch). Ngày 16/9/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 115/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất có một số nội dung quy định mới cần làm rõ soát lại: (1) Đưa các dự án vào Danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định. (2) Rà soát lại các dự án quy hoạch chi tiết hoặc có quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. (3) Rà soát lại các căn cứ quy định của pháp luật về đấu thầu.

1.2. Giải pháp thực hiện

Để thực hiện đảm bảo mục tiêu xây dựng 10.000 căn nhà ở xã hội giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết của Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra, Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Xây dựng, các sở ngành có liên quan và các địa phương quyết liệt triển khai thực hiện các giải pháp để đạt chỉ tiêu xây dựng nhà ở xã hội trong năm 2025 theo chỉ đạo của Tỉnh ủy tại Kết luận số 509-KL/TU ngày 18/10/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh⁵, trong đó tập trung các giải pháp:

- Tập trung rà soát, trình Hội đồng nhân dân tỉnh danh mục các khu đất thực hiện đầu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất; đồng thời đẩy nhanh các thủ tục liên quan để lựa chọn nhà đầu tư đối với 07 dự án nhà ở xã hội đã được duyệt chủ trương đầu tư.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiếp tục rà soát, đề xuất bổ sung quỹ đất khác thay thế có vị trí ải thuận lợi, phù hợp xây dựng nhà ở xã hội chung cư; kịp thời chỉ đạo bổ sung, điều chỉnh kế hoạch nhà ở xã hội⁶.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa rà soát các khu đất dự kiến bố trí tái định cư tại kế hoạch nhà ở giai đoạn 2021-2025 đã được duyệt nhưng chưa thực hiện để đề xuất chuyển đổi mục tiêu nhà ở xã hội⁷.

- Chỉ đạo việc kiểm soát, thẩm định hồ sơ thiết kế công trình chung cư nhà ở xã hội đảm bảo đạt chất lượng, yếu tố thiết kế hiện đại, đầy đủ tiện ích công cộng, đồng thời phải tiết kiệm chi phí xây dựng, để giảm giá thành xây dựng nhà ở xã hội.

- Chỉ đạo các ngành có liên quan làm việc với chủ đầu tư các dự án nhà ở thương mại trên địa bàn tỉnh đẩy nhanh tiến độ đầu tư dự án, trong đó việc đầu tư hạ tầng kỹ thuật quỹ đất nhà ở xã hội đảm bảo theo quy định tại Văn bản số 2856/TB-UBND ngày 15/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Về công tác phòng, chống dịch Sởi

2.1. Đánh giá

2.1.1. Thực trạng

Theo báo cáo của Sở Y tế, từ đầu năm 2024 đến hết ngày 05/12/2024, trên địa bàn tỉnh ghi nhận 3.946 ca mắc Sởi, tăng 3.943 ca so với cùng kỳ năm 2023, tăng hơn 110% so với cùng kỳ năm 2019 (là năm có dịch Sởi với 1.874 ca mắc). Số ca mắc ghi nhận tại 11 huyện, thành phố, trong đó các huyện, thành có số ca mắc cao là: Biên Hòa (1.540 ca), Trảng Bom (848 ca), Nhơn Trạch (393 ca), Long Thành (306 ca), Vĩnh Cửu (297 ca), chiếm 86% số ca mắc toàn tỉnh.

⁵ Xây dựng 8.340 căn nhà ở xã hội, trong đó, hoàn thành và đưa vào sử dụng 98 căn.

⁶ Do quy định tại Điều 82 Luật Nhà ở năm 2023 chỉ cho phép xây dựng nhà ở xã hội riêng lẻ thấp tầng tại xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Do đó nhiều khu đất trước đây các địa phương dự kiến đầu tư nhà ở xã hội liên kế thấp tầng sẽ không còn phù hợp quy định.

⁷ Theo quy định tại Điều 48, Điều 49 Luật Nhà ở 2023 tại thành phố Biên Hòa (đô thị loại 1) không được thực hiện dự án tái định cư (trường hợp bố trí tái định cư thì chỉ được bố trí nhà ở xã hội hoặc nhà ở thương mại để phục vụ tái định cư).

Trung bình mỗi ngày toàn tỉnh ghi nhận khoảng 100 ca mắc mới. Trong 3.946 ca mắc Sởi, tập trung chủ yếu ở 02 nhóm tuổi từ 01-04 tuổi và 05-10 tuổi (chiếm 71%) và có tới 93% trẻ chưa được tiêm vắc xin Sởi; đã ghi nhận 02 ca tử vong thành phố Biên Hòa và huyện Trảng Bom.

2.1.2. Nguyên nhân

- Sự thiếu hụt nguồn cung ứng vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng (TCMR) nói chung và vắc xin có chứa thành phần Sởi nói riêng giai đoạn hậu COVID-19.

- Thiếu sự phối hợp giữa các ban ngành, đoàn thể trong công tác phòng, chống dịch và cụ thể là việc triển khai chiến dịch tiêm chủng vắc xin phòng, chống dịch Sởi⁸; thiếu thông tin tiêm chủng của trẻ trên Hệ thống Quản lý tiêm chủng Quốc gia (do mới triển khai từ 2017).

2.2. Giải pháp thực hiện

Theo khuyến cáo của Bộ Y tế, hiện nay, bệnh Sởi chưa có thuốc điều trị đặc hiệu, tiêm vaccine là biện pháp hữu hiệu để phòng bệnh; những nơi tập trung đông người có nguy cơ rất cao lây lan dịch Sởi; chỉ có thể cắt được sự lây truyền bệnh khi tỷ lệ miễn dịch trong cộng đồng đạt trên 95%. Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo Sở Y tế, các địa phương thực hiện quyết liệt các giải pháp đã đề ra, trong đó tập trung:

- Chỉ đạo tiếp tục rà soát đối tượng tiêm chủng, sử dụng hiệu quả vắc xin có thành phần Sởi (Sởi đơn, MR, MMR) trong phòng, chống dịch Sởi. Tổ chức tiêm bù, tiêm vét cho đối tượng chưa được tiêm chủng ngay khi vắc xin được phân bổ.

- Chỉ đạo tăng cường các giải pháp truyền thông về các biện pháp phòng bệnh, tiêm chủng vắc xin có thành phần Sởi; tuyên truyền, vận động gia đình đưa trẻ đi tiêm chủng vắc xin đầy đủ, đúng lịch phòng, chống dịch Sởi.

- Chỉ đạo tăng cường công tác điều tra, giám sát phát hiện, kịp thời xử lý ca bệnh tản phát, sớm xử lý ổ dịch tại cộng đồng theo đúng quy định. Thực hiện vệ sinh môi trường, hoạt động khử trùng tại trường học (đặc biệt mầm non, nhà trẻ) và các hộ gia đình trong ổ dịch, vùng dịch.

- Kiện toàn hệ thống cơ sở y tế thu dung điều trị bệnh, trang bị cơ sở thuốc, vật tư y tế, trang thiết bị đáp ứng với trường hợp xảy ra nhiều ca mắc Sởi nhập viện điều trị.

3. Về công tác quản lý, sử dụng tài sản công

3.1. Đánh giá

3.1.1. Thực trạng

⁸ Công tác điều tra đối tượng là trẻ em ở cộng đồng (địa bàn rộng, dân số biến động cơ học cao nhưng số lượng công tác viên y tế lại ít, việc điều tra đối tượng mất nhiều thời gian và dễ sót đối tượng). Công tác quản lý đối tượng, vận động phụ huynh đưa trẻ đi tiêm chủng không có sức thuyết phục.

Theo báo cáo của Sở Tài chính, các cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng 3.892 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích đất khoảng 1.035.123.451,71m² và 386 xe ô tô. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công đều sử dụng đúng mục đích, đúng công năng; thực hiện nghiêm túc việc quản lý, sử dụng tài sản công theo các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, việc mua sắm tài sản thực hiện theo thẩm quyền, đảm bảo tiêu chuẩn, định mức và đảm bảo trình tự, thủ tục, hồ sơ theo quy định. Tuy nhiên, công tác quản lý, sử dụng tài sản công còn một số khó khăn, vướng mắc gây lãng phí trong việc quản lý, sử dụng tài sản công như: chưa quan tâm việc khai thác, sử dụng hiệu quả các tài sản công thuộc trường hợp là tài sản công phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ; tài sản công là cơ sở nhà, đất bị thu hồi qua sắp xếp, xử lý nhà, đất theo quy định trên cơ sở chủ trương, chính sách về sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, đơn vị không kịp thời được khai thác, sử dụng dẫn đến suy giảm về chất lượng công trình, gây lãng phí; một số dự án, công trình sử dụng nguồn vốn sự nghiệp tồn đọng, dừng thi công.

3.1.2. Nguyên nhân

- Cơ chế, chính sách về quản lý, khai thác nhằm sử dụng hiệu quả tài sản công chưa được kịp thời sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu thực tế phát triển kinh tế - xã hội. Việc khai thác, sử dụng tài sản công là cơ sở nhà, đất bị thu hồi qua sắp xếp, xử lý nhà, đất theo quy định không được triển khai thực hiện do vướng mắc về cơ chế, chính sách pháp luật trong việc giao tài sản là nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất cho tổ chức, đơn vị có chức năng quản lý, khai thác nhà; đất thuộc địa phương.

- Quy định pháp luật còn có nội dung bất cập, cách hiểu khác nhau dẫn đến việc áp dụng quy định pháp luật chưa thống nhất; chưa nhất quán giữa công tác quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng và cơ quan thanh tra, kiểm tra.

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thật sự chủ động trong việc đề xuất, xây dựng đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết vì trình tự, thủ tục cần thực hiện nhiều bước, nhiều quy trình phức tạp theo đúng quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

- Cán bộ, công chức thực hiện công tác quản lý, sử dụng tài sản công còn né tránh, sợ trách nhiệm trong quá trình đề xuất phương án khai thác, sử dụng tài sản công một cách hiệu quả do quy định pháp luật còn chồng chéo, vướng mắc; cơ chế, chính sách chưa đầy đủ dẫn đến dễ phát sinh hậu quả pháp lý tiêu cực đối với cán bộ, công chức có tinh thần chủ động, sáng tạo.

3.2. Giải pháp thực hiện

Tài sản công là nguồn lực quan trọng đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước cũng như mỗi địa phương. Do đó, Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt các giải pháp đã đề ra và một số nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu, rà soát những khó khăn, vướng mắc trong cơ chế, chính sách về quản lý, khai thác, sử dụng tài sản công để kịp thời kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung phù hợp.

- Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ động rà soát, trình cấp có thẩm quyền quyết định việc khai thác tài sản công theo đúng quy định; qua đó, tháo gỡ toàn bộ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình quyết định việc khai thác tài sản công nhằm đảm bảo việc quản lý, sử dụng tài sản công là nhà, đất làm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp hiệu quả, tiết kiệm, tránh thất thoát, lãng phí; đảm bảo nguồn thu ngân sách nhà nước trong quá trình khai thác tài sản công theo quy định.

- Thực hiện thu hồi đối với tài sản công là nhà, đất đã được phê duyệt phương án sắp xếp lại; tài sản công là nhà, đất dôi dư sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, sắp xếp bộ máy, tổ chức của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị trong thời gian tới trên địa bàn tỉnh để giao Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh (sau khi tổ chức lại với mô hình trực thuộc UBND tỉnh) các cơ sở nhà, đất dôi dư theo quy định pháp luật đất đai và quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Lập kế hoạch khai thác nhà, đất thu hồi qua sắp xếp lại phục vụ cho thuê ngắn hạn nhằm đảm bảo khai thác, sử dụng các cơ sở nhà, đất một cách hiệu quả, đảm bảo nguồn thu ngân sách nhà nước trong quá trình quản lý, khai thác tạm thời theo quy định.

- Thường xuyên rà soát, thống kê các dự án, công trình tồn đọng, dừng thi công, thi công chậm tiến độ, các trụ sở làm việc, tài sản công không sử dụng hoặc sử dụng chưa hiệu quả để kịp thời có biện pháp xử lý. Xử lý nghiêm trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân để các dự án, công trình chậm tiến độ kéo dài, gây lãng phí nguồn lực trong công tác quản lý, sử dụng tài sản công.

- Thường xuyên kiểm tra công tác quản lý và sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định của pháp luật.

4. Về kết quả triển khai các Đề án khai thác quỹ đất vùng phụ cận

4.1. Đánh giá

4.1.1. Thực trạng

Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (Nghị quyết số 29/NQ-HĐND; số 30/NQ-HĐND; số 31/NQ-HĐND; số 32/NQ-HĐND; số 33/NQ-HĐND; số 34/NQ-HĐND ngày 22/9/2022) về việc cho ý kiến Đề án khai thác đất vùng phụ cận các dự án giao thông, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 05/6/2023 triển khai thực hiện các Đề án khai thác quỹ đất vùng phụ cận các dự án giao thông trên địa bàn tỉnh.

Trong tổng số 06 Đề án khai thác quỹ đất vùng phụ cận trên địa bàn tỉnh có 21 khu đất với diện tích 1.557,8 ha, 10 tuyến đường giao thông. Trong đó, có 07 khu đất, diện tích 930,45 ha của Công ty cao su Đồng Nai và 14 khu đất, diện tích 626,55 ha của hộ gia đình cá nhân quản lý, sử dụng. Dự kiến tổng kinh phí bồi thường 21 khu đất là 8.406 tỉ đồng từ nguồn Quỹ phát triển đất. Đối với 07 khu đất của Công ty cao su Đồng Nai, diện tích 930,45 ha do Trung tâm Phát

triển quỹ đất tỉnh thực hiện công tác thu hồi, bồi thường, đến nay, đã triển khai công tác đo đạc lập bản đồ thu hồi đất và lập kế hoạch trình Ủy ban nhân dân các huyện để phê duyệt và ban hành thông báo thu hồi đất theo thẩm quyền đối với 04 khu đất, diện tích khoảng 600 ha. Đối với 14 khu đất của hộ gia đình, cá nhân quản lý, sử dụng do Ủy ban nhân dân các huyện Vĩnh Cửu, Long Thành, Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Xuân Lộc, Định Quán và thành phố Long Khánh thực hiện công tác thu hồi, bồi thường tiến độ còn chậm, chưa triển khai.

Như vậy, về tiến độ thực hiện 06 Đề án khai thác quỹ đất vùng phụ cận trên địa bàn tỉnh đến nay còn chậm.

4.1.2. Nguyên nhân

- Các tuyến đường giao thông tiếp giáp đất vùng phụ cận đang trong quá trình lập thủ tục trình duyệt đầu tư dự án (*báo cáo nghiên cứu khả thi*); hồ sơ pháp lý về ranh giới các tuyến đường chưa được phê duyệt nên chưa có cơ sở triển khai đo đạc, lập bản đồ thu hồi đất đối với các khu đất. Việc triển khai thực hiện công tác thu hồi, bồi thường các khu đất vùng phụ cận phải thực hiện đồng thời với công tác thu hồi, bồi thường của các tuyến đường giao thông.

- Ủy ban nhân dân các huyện đang rà soát lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Đất đai năm 2024 đối với các khu đất có đất lúa của hộ gia đình, cá nhân sử dụng (*06 khu có đất lúa dưới 10 ha và 06 khu có đất lúa trên 10 ha*).

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã chấp thuận chủ trương ứng vốn từ quỹ phát triển đất để thực hiện công tác bồi thường, tuy nhiên chưa có hướng dẫn của Sở Tài chính và Quỹ phát triển đất về các thủ tục vay vốn và hoàn trả để các đơn vị có cơ sở thực hiện.

- Ngày 24/4/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 44/2024/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (*thay thế Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ*), không quy định về xây dựng Đề án khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng.

4.2. Giải pháp thực hiện

Việc triển khai thực hiện các Đề án khai thác quỹ đất vùng phụ cận có ý nghĩa quan trọng nhằm tạo nguồn lực để triển khai thực hiện các dự án hạ tầng giao thông kết nối liên vùng, trong đó có các tuyến đường giao thông kết nối với Cảng hàng không quốc tế Long Thành, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian tới. Tuy nhiên, Nghị định số 44/2024/NĐ-CP (thay thế Nghị định số 33/2019/NĐ-CP) không quy định chuyển tiếp đối với các trường hợp đang triển khai thực hiện các Đề án khai thác quỹ đất vùng phụ cận theo Nghị định số 33/2019/NĐ-CP.

Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát, đánh giá tiến độ thực hiện các Đề án (*các khu đất thuộc các Đề án đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; các khu đất thuộc các Đề án chưa triển khai thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng*) và làm rõ tính

pháp lý, hiệu lực của các Đề án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định của Luật Đất đai năm 2024 và các quy định pháp luật có liên quan để đảm bảo việc triển khai thực hiện các Đề án được chặt chẽ, phù hợp theo quy định pháp luật.

Điều 3. Thời hạn khắc phục hạn chế và báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết về chất vấn

Thời hạn khắc phục những hạn chế được xác định tại Nghị quyết này thực hiện trong thời gian 06 tháng đầu năm 2025. Đối với các nội dung cần có thời gian thực hiện (thuộc các chỉ tiêu, nhiệm vụ của giai đoạn) thì báo cáo kết quả tại kỳ họp cuối năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này; đồng thời báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp cuối năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo luật định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên giám sát, vận động các tổ chức, nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X Kỳ họp thứ 22 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 11 tháng 12 năm 2024.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Cục Kiểm tra VB.QPPL - Bộ Tư pháp;
- Đ/c Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: TU, ĐDBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy; Thành ủy; Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Công TTĐT tỉnh; Bản tin, Website HĐND tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, P.DNTT.

CHỦ TỊCH



Thái Bảo